

Số: /TTr-BTP

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2025

Dự thảo ngày
31/10/2025

TỜ TRÌNH

Chính sách của Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ chính sách của Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

- Đại hội XIII của Đảng đề ra chủ trương “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Đồng thời, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đưa ra định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2025-2030 là: “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức”.

- Nghị quyết số 27-TW/NQ ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới xác định nhiệm vụ: “Tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng và quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; nội luật hóa các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã tham gia; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Thực hiện tốt nguyên tắc công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm; quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân, việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia - dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định: “Làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu”; đặt mục tiêu “Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng

có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số... Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hoá số đạt mức cao của thế giới”.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đặt ra yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng *“...phát huy dân chủ, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân; bảo đảm sự cân đối, hợp lý giữa mức độ hạn chế quyền với lợi ích chính đáng đạt được... Bên cạnh một số bộ luật, luật quy định về quyền con người, quyền công dân, tổ tụng tư pháp cần cụ thể, về cơ bản các luật khác, nhất là luật điều chỉnh các nội dung về kiến tạo phát triển chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn”.*

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân xác định đẩy mạnh số hóa, minh bạch hóa, *“công khai, minh bạch và chủ động cung cấp thông tin tới doanh nghiệp”*, *“hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp”.*

- Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí ở nước ta hiện đang chuyển trọng tâm sang phòng ngừa, chủ động nhận diện, dự báo, cảnh báo vi phạm từ sớm, từ xa, phát huy vai trò và tính chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng và sự giám sát của Nhân dân để phòng ngừa tham nhũng ngay từ cơ sở¹. Việc hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin sẽ góp phần thực hiện phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ quan.

1.2. Cơ sở pháp lý

- Quyền tiếp cận thông tin là quyền con người và là quyền cơ bản của công dân thuộc nhóm quyền dân sự - chính trị đã được ghi nhận trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 mà Việt Nam là thành viên. Hiến pháp năm 2013 quy định công dân có quyền tiếp cận thông tin, việc thực hiện quyền này do pháp luật quy định (Điều 25). Trên cơ sở đó, ngày 06/4/2016, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Tiếp cận thông tin (Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018). Ngày 16/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 203/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và ban hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương (Luật số 72/2025/QH15), tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Theo đó, một số quy định của Luật Tiếp cận thông tin cần sửa đổi cho phù hợp với tổ chức bộ máy nhà nước sau sắp xếp.

- Trong thời gian qua, một số luật được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung có liên quan đến tiếp cận thông tin, quản lý, sử dụng thông tin/dữ liệu của các cơ

¹ Phát biểu chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại Phiên họp 28 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ngày 07/07/2025.

quan nhà nước, trách nhiệm công khai, cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước (ví dụ như Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Dữ liệu năm 2024, Luật Lưu trữ năm 2024, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025...). Một số luật có liên quan đến tiếp cận thông tin được ban hành cùng hoặc sau thời điểm năm 2016, nhưng đã và đang được đề xuất sửa đổi, bổ sung (ví dụ như Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Luật Báo chí...). Điều này đòi hỏi cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Tiếp cận thông tin để bảo đảm đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật.

Những cơ sở chính trị, pháp lý nêu trên đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng về phát huy dân chủ, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam, nâng cao tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, tăng cường ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong cung cấp thông tin cho người dân. Các quy định của Luật Tiếp cận thông tin cũng cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với Nghị quyết số 203/2025/QH15 và các luật có liên quan; phù hợp với yêu cầu đổi mới tư duy lập pháp hiện nay.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Nhận thức rõ quyền tiếp cận thông tin là một trong những quyền cơ bản của công dân đã được ghi nhận trong Hiến pháp, trong thời gian qua, việc triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin đã nhận được sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự vào cuộc toàn diện của các cơ quan, Bộ, ngành, địa phương. Việc công khai thông tin được các cơ quan thực hiện thường xuyên, kịp thời, đáp ứng cơ bản nhu cầu thông tin của người dân, tổ chức, doanh nghiệp. Công tác cung cấp thông tin theo yêu cầu từng bước đi vào nề nếp. Việc bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện cung cấp thông tin được các cơ quan nhà nước quan tâm thực hiện. Những kết quả này đã góp phần quan trọng trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động của các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, qua công tác tổng kết việc thi hành Luật Tiếp cận thông tin (từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/6/2025) cho thấy, việc triển khai thi hành Luật còn gặp một số hạn chế, khó khăn. Cụ thể:

- *Về phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin:* Luật Tiếp cận thông tin quy định trách nhiệm cung cấp thông tin của các *cơ quan nhà nước*. Đến nay, sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp thì một số quy định về cơ quan nhà nước trong Luật không còn phù hợp (ví dụ như Điều 9, Điều 35²); chưa có quy định hoặc hướng dẫn về cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin đối với các thông tin do các cơ quan nhà nước ở cấp

² Các quy định về Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đã được hợp nhất thành Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố), Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan cấp huyện, Bộ Thông tin và Truyền thông.

huyện trước đây tạo ra. Bên cạnh đó, qua tổng kết thấy rằng, việc quy định về phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin của UBND cấp xã bao gồm cả thông tin do Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã *nhận được* là quá rộng³; bên cạnh trách nhiệm cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước thì cần nghiên cứu mở rộng cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin tại Luật này⁴.

- *Về phạm vi thông tin được tiếp cận, không được tiếp cận và được tiếp cận có điều kiện*: Luật Tiếp cận thông tin quy định thông tin công dân được tiếp cận, thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (Điều 5, 6, 7). Tuy nhiên, trên thực tế thực hiện, các cơ quan còn lúng túng, hoặc có cách hiểu và vận dụng chưa thống nhất một số quy định của Luật⁵, ví dụ như việc xác định “thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác” (khoản 2 Điều 6)⁶, quy định về “trường hợp cần thiết vì lợi ích cộng đồng, sức khỏe cộng đồng theo quy định của pháp luật có liên quan” (khoản 3 Điều 7), “thông tin được yêu cầu vượt quá khả năng đáp ứng hoặc làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan” (khoản 1 Điều 28)⁷.

- *Về công khai thông tin*: Hoạt động công khai thông tin của các cơ quan nhà nước được đẩy mạnh trong thời gian qua. Tuy nhiên, nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân ngày càng tăng, trong khi đó việc tổ chức, quản lý thông tin chủ yếu vẫn theo phương thức thủ công, truyền thống, việc ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế, chưa phát huy hiệu quả của môi trường mạng và các phương tiện thông tin đại chúng⁸. Với sự phát triển của khoa học và công nghệ thì cách thức cung cấp thông tin cần thay đổi theo hướng đa dạng và thuận lợi hơn cho người dân. Ngoài ra, Luật quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc lập, công bố, cập nhật Danh mục thông tin phải được thông khai, tuy nhiên, trên thực tế, một số cơ quan còn lúng túng trong việc lập Danh mục này⁹; việc cập nhật còn thủ công, mất nhiều thời gian, không bảo đảm thường xuyên, đầy đủ.

- *Về cung cấp thông tin theo yêu cầu*: Hình thức, trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu vẫn còn phức tạp, chưa đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, đặc biệt trong điều kiện ứng dụng công nghệ số và yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số¹⁰. Có trường hợp người dân đến cơ quan nhà nước yêu cầu cung cấp thông tin đơn giản nhưng trình tự, thủ tục (điền Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, thời hạn giải quyết dài...) còn rườm rà¹¹.

- *Về các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin*: Luật Tiếp cận thông

³ Báo cáo tổng kết thi hành Luật (sau đây viết tắt là BCTK) của tỉnh Quảng Trị.

⁴ BCTK Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Văn phòng Quốc hội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Lào Cai, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Vĩnh Long, Cà Mau, Cao Bằng, Tây Ninh...

⁵ BCTK của các tỉnh Lào Cai, Hải Phòng, Lâm Đồng, Cà Mau...

⁶ BCTK Bộ Công an; các tỉnh/thành phố Hải Phòng, Quảng Trị, Lâm Đồng, Đồng Tháp, Cà Mau, Khánh Hòa, Đắk Lắk...

⁷ BCTK Bộ Công an; các tỉnh Quảng Trị, Lâm Đồng, Đồng Tháp, Cà Mau, Khánh Hòa...

⁸ BCTK các tỉnh Lào Cai, Cao Bằng...

⁹ BCTK các tỉnh Quảng Trị, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Lạng Sơn, Cao Bằng...

¹⁰ BCTK các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Lào Cai, Hải Phòng, Lâm Đồng...

¹¹ BCTK các tỉnh Quảng Trị, Cà Mau...

tin quy định các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin như bố trí cán bộ đầu mối, cơ sở vật chất, việc số hóa tài liệu... Tuy nhiên, quá trình tổ chức thực hiện còn gặp khó khăn, nhất là tại cơ sở¹²; chưa có hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện của cán bộ đầu mối cung cấp thông tin; việc phân loại, lưu trữ và cập nhật thông tin chưa thực sự khoa học, dẫn đến việc tra cứu, cung cấp thông tin đôi khi còn chậm; việc đầu tư cơ sở vật chất cho công tác tiếp cận thông tin tuy đã được quan tâm nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn; thiếu trang thiết bị phục vụ cung cấp thông tin cho các đối tượng đặc thù (như người khuyết tật...). Theo đó, cần rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Tiếp cận thông tin để bảo đảm tính khả thi trong các quy định của Luật, đồng thời giao Chính phủ quy định các biện pháp cụ thể để bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

2.2. Về kinh nghiệm quốc tế: Trong thời đại công nghệ số, pháp luật về tiếp cận thông tin trên thế giới cũng có những điều chỉnh để thích ứng với sự thay đổi của công nghệ, xu hướng số hóa và các hình thức thông tin mới; tăng cường nghĩa vụ chủ động công khai thông tin của cơ quan nhà nước; đồng thời, nghiên cứu các giải pháp để cân bằng giữa quyền tiếp cận thông tin và quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, ứng phó với các thách thức mới liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư, an toàn thông tin, an ninh mạng... Việt Nam có thể tham khảo có chọn lọc các kinh nghiệm nước ngoài để nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về tiếp cận thông tin cho phù hợp với bối cảnh, điều kiện của nước ta.

Từ các cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc sửa đổi toàn diện Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 là hết sức cần thiết nhằm giải quyết những bất cập, hạn chế trong quy định hiện hành của Luật và đáp ứng yêu cầu bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân trong tình hình mới.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Mục đích

Việc xây dựng chính sách Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi) nhằm mục đích: 1) Giải quyết các hạn chế, khó khăn, vướng mắc có nguyên nhân xuất phát từ quy định của Luật Tiếp cận thông tin đã được các cơ quan, Bộ, ngành, địa phương phản ánh trong quá trình sơ kết, tổng kết việc thi hành Luật; 2) Sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm bảo đảm tốt hơn quyền tiếp cận thông tin của công dân, phù hợp với tình hình và điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam hiện nay, trong đó có việc mở rộng phạm vi thông tin công dân được tiếp cận, bổ sung các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin, bổ sung các hình thức cung cấp thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin nhanh chóng, thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí.

2. Quan điểm

- Tiếp tục thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng về phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân; thúc đẩy công khai, minh bạch trong hoạt động của các

¹² BCTK các tỉnh Lào Cai, Khánh Hòa, Cà Mau...

cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, góp phần phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, tăng cường trách nhiệm giải trình;

- Đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin ngày càng tăng của công dân; đa dạng hóa hình thức cung cấp thông tin gắn với bối cảnh đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ điện tử tiến tới Chính phủ số và mô hình tổ chức của các cơ quan sau sắp xếp;

- Bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; tính thống nhất, đồng bộ với các luật, nghị quyết có liên quan, nhất là các luật, nghị quyết được Quốc hội ban hành trong thời gian vừa qua; đồng thời, đáp ứng yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng luật và kỹ thuật lập pháp hiện nay;

- Bảo đảm tính khả thi của các chính sách Luật trong điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay; nghiên cứu học hỏi có chọn lọc các kinh nghiệm phù hợp của pháp luật nước ngoài về tiếp cận thông tin.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Phạm vi của chính sách

Các chính sách của Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi) tập trung vào các nội dung về: cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin; phạm vi thông tin thuộc trách nhiệm cung cấp của UBND cấp xã; phạm vi thông tin công dân được tiếp cận, thông tin công dân không được tiếp cận và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện; hình thức, cách thức, trình tự, thủ tục cung cấp thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong cung cấp thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ công cơ bản, thiết yếu; công dân Việt Nam;

- Tổ chức, cá nhân có liên quan.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Bộ Tư pháp đã tổ chức rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến bảo vệ, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, tăng cường tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, nhất là các chủ trương, đường lối mới của Đảng trong các nghị quyết quan trọng về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia...

2. Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, Bộ, ngành, địa phương tổ chức tổng kết việc thi hành Luật Tiếp cận thông tin¹³. Nội dung tổng kết tập trung vào công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành Luật; kết quả đạt được; những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quy định của Luật Tiếp cận thông tin và trong thực tiễn tổ chức thi hành Luật; đề xuất, kiến nghị giải pháp để giải quyết hạn chế, khó khăn, vướng mắc. Kết quả thi hành Luật được tổng kết, đánh giá

¹³ Công văn số 4880/BTP-PLHSHC ngày 11/8/2025.

trong thời gian 7 năm, từ ngày Luật có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2018) đến hết ngày 30/6/2025. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp tổ chức nghiên cứu vấn đề mới, xu hướng mới; cam kết trong điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kinh nghiệm pháp luật nước ngoài để tham khảo, xây dựng các chính sách của Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi).

3. Bộ Tư pháp đã tổ chức Hội nghị tham vấn chính sách của Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi) vào ngày 16/10/2025; đăng tải hồ sơ chính sách của Luật trên Cổng Pháp luật quốc gia; lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, Bộ, ngành, địa phương (Công văn số ngày....); nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý đối với Hồ sơ chính sách của Luật.

4. Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số ngày ... thẩm định chính sách Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi). Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện hồ sơ chính sách Luật để trình Chính phủ xem xét, quyết định.

V. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Mở rộng chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin

a) Mục tiêu chính sách

- Xác định rõ và ràng buộc trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc cung cấp thông tin, công khai thông tin nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân;
- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước, các chủ thể tạo ra thông tin;
- Bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, tổ chức một cách đầy đủ nhất; bảo đảm tính toàn diện của thông tin;
- Tăng tính hiệu quả trong quản lý, điều hành của mỗi chủ thể có nghĩa vụ cung cấp thông tin nói riêng và của Nhà nước nói chung.

b) Nội dung chính sách

- Xác định cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin cho công dân đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân theo quy định của Hiến pháp năm 2013;
- Điều chỉnh cơ quan, tổ chức trực tiếp thực hiện cung cấp thông tin cho công dân và cơ quan tổ chức giúp tổ chức thực hiện cung cấp thông tin cho công dân để đảm bảo phù hợp với việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và nguyên tắc phân quyền theo quy định.

c) Các giải pháp thực hiện chính sách

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện hành. Hiện nay, Luật Tiếp cận thông tin quy định cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin. Các cơ quan này bao gồm: các cơ quan hành chính nhà nước (các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan được tổ chức theo ngành dọc thuộc Bộ, cơ quan

ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp); Quốc hội, Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp và Kiểm toán Nhà nước.

- Giải pháp 2: Quy định chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin là tất cả các cơ quan trong hệ thống chính trị. Thực hiện Phương án này chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin như giải pháp 1, đồng thời, bao gồm cả tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các cơ quan của Đảng, các doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức sử dụng tài sản, tài chính nhà nước.

- Giải pháp 3: Quy định chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin là các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ công cơ bản, thiết yếu, cụ thể: cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp, Kiểm toán nhà nước; Hội đồng nhân dân (HĐND), UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; HĐND và UBND cấp xã; đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ công cơ bản, thiết yếu.

Cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin trực tiếp tổ chức thực hiện việc cung cấp thông tin, trừ các trường hợp sau đây: Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các cấp; Kiểm toán nhà nước; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND cấp tỉnh; UBND cấp xã.

Nội dung của phương án: Nội dung của phương án: (i) mở rộng so với pháp luật hiện hành đối với đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; (ii) bên cạnh đó, thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy thì chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin được điều chỉnh, cụ thể: + thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp không quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; + quy định trách nhiệm cung cấp thông tin của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện cung cấp thông tin do sắp xếp tổ chức bộ máy (sáp nhập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Văn phòng Hội đồng nhân dân); + điều chỉnh trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp thông tin do các cơ quan cấp mình tạo ra do có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân cấp xã; (iii) Bên cạnh đó, không quy định trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp thông tin do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tạo ra và thông tin do mình tạo ra để phù hợp với nguyên tắc phân quyền của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, đồng thời, để tạo linh hoạt cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cơ quan, đơn vị giúp thực hiện cung cấp thông tin.

d) Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

So sánh giữa các giải pháp, dự thảo Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi) cần quy định cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin gồm các cơ quan như Giải pháp 3 nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân theo quy

định của Hiến pháp năm 2013; đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tính khả thi trong việc thực hiện cung cấp thông tin cho công dân.

2. Chính sách 2: Điều chỉnh phạm vi thông tin mà UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp

a) Mục tiêu chính sách

- Đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của công dân theo quy định của pháp luật và trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin do mình tạo ra;

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả và tính khả thi trong hoạt động cung cấp thông tin của chính quyền địa phương cấp xã, phù hợp với mô hình tổ chức hành chính và khối lượng công việc mới của UBND cấp xã.

b) Nội dung chính sách

- Bổ quy định “UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra và thông tin do mình nhận được để trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trừ trường hợp quy định tại Điều 6 của Luật này; đối với trường hợp quy định tại Điều 7 của Luật này thì cung cấp thông tin khi có đủ điều kiện theo quy định”;

- Bổ cụm từ “thông tin do mình nhận được để trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn” tại điểm h khoản 2 Điều 9 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016.

c) Các giải pháp thực hiện chính sách

Giải pháp 1. Giữ nguyên phạm vi thông tin mà UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp: UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra và nhận được.

Giải pháp 2. Điều chỉnh phạm vi thông tin mà UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp theo hướng UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình nắm giữ.

Giải pháp 3. Điều chỉnh phạm vi thông tin mà UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp: UBND cấp xã không cung cấp đối với thông tin do mình nhận được.

d) Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Lựa chọn giải pháp 3. Điều chỉnh phạm vi thông tin mà UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp: UBND cấp xã không cung cấp đối với thông tin do mình nhận được. Các lý do quyết định lựa chọn giải pháp này:

- Bảo đảm phù hợp với đặc điểm, mô hình chính quyền địa phương hai cấp theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15. Theo đó, từ ngày 01/7/2025, UBND cấp xã được trao nhiều nhiệm vụ, quyền hạn mới, dẫn đến khối lượng thông tin do UBND tạo ra tăng. Do đó, cần điều chỉnh phạm vi thông tin mà UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp theo hướng thu hẹp và tập trung vào thông tin mang tính cốt lõi là thông tin do UBND cấp xã tạo ra.

- Phân định rõ trách nhiệm gắn liền với thẩm quyền: cơ quan tạo ra thông tin chịu trách nhiệm công khai và cung cấp theo yêu cầu đối với thông tin đó. Khi cơ quan tạo thông tin trực tiếp chịu trách nhiệm cung cấp thông tin bảo đảm thông tin được cung cấp có nguồn gốc rõ ràng, được xác thực, giảm sai lệch, mâu thuẫn giữa các nguồn thông tin.

- Giảm gánh nặng hành chính cho UBND cấp xã: Việc điều chỉnh phạm vi trách nhiệm cung cấp thông tin của UBND cấp xã theo hướng chỉ cung cấp thông tin do mình tạo ra sẽ giúp giảm đáng kể khối lượng công việc cho cấp xã. Công chức cấp xã có thêm thời gian tập trung xử lý các nhiệm vụ phục vụ dân sinh khác như đăng ký hộ tịch, chứng thực, giải quyết thủ tục hành chính.

- Phù hợp với thông lệ quốc tế, đặc biệt là mô hình của Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ - nơi cơ quan cung cấp thông tin chính là cơ quan tạo ra thông tin.

3. Chính sách 3: Mở rộng phạm vi thông tin phải công khai

a) Mục tiêu chính sách

Mở rộng phạm vi thông tin phải công khai để bảo đảm đồng bộ với các luật chuyên ngành, phù hợp với xu thế cơ quan nhà nước mở rộng phạm vi thông tin phải công khai và chủ động công khai thông tin cho người dân, tăng hiệu quả điều chỉnh của Luật Tiếp cận thông tin với vai trò luật chung.

b) Nội dung chính sách

Quy định mở rộng phạm vi thông tin phải được công khai bảo đảm đồng bộ với các luật chuyên ngành.

c) Các giải pháp thực hiện chính sách

- Giải pháp 1. Giữ nguyên quy định hiện hành về phạm vi thông tin công khai.

- Giải pháp 2. Sửa đổi quy định theo hướng phạm vi thông tin được công khai là toàn bộ thông tin, trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước và thông tin được tiếp cận có điều kiện.

- Giải pháp 3. Mở rộng phạm vi thông tin phải được công khai đồng bộ với các luật chuyên ngành.

d) Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Lựa chọn giải pháp 3. Mở rộng phạm vi thông tin công khai đồng bộ với các luật chuyên ngành. Các lý do quyết định lựa chọn giải pháp này:

- Đảm bảo tính đầy đủ và thống nhất của hệ thống pháp luật: Hiện nay, nhiều luật chuyên ngành (Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Luật Đấu thầu năm 2023, Luật Giá năm 2023, Luật Đất đai năm 2024,...) quy định phạm vi công khai rộng hơn Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016. Cơ quan nhà nước có cơ sở pháp lý thống nhất để thực hiện, tránh tình trạng nơi công khai, nơi né tránh;

- Đáp ứng yêu cầu minh bạch, phòng chống tham nhũng: Đồng bộ hóa với luật chuyên ngành giúp mở rộng thông tin công khai trong đất đai, tài sản công,

việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác...; góp phần giảm tiêu cực, nâng cao hiệu quả giám sát của người dân và xã hội;

- Vẫn giữ mô hình “liệt kê thông tin phải công khai” nhưng được mở rộng, đồng bộ với thực tiễn.

Tóm lại, sửa đổi Luật Tiếp cận thông tin theo hướng mở rộng phạm vi thông tin phải được công khai đồng bộ với các luật chuyên ngành sẽ góp phần tăng cường tính minh bạch, hiệu quả quản lý nhà nước, vừa khả thi và an toàn trong bối cảnh chuyên đổi số và hội nhập quốc tế.

4. Chính sách 4: Điều chỉnh phạm vi thông tin công dân không được tiếp cận và tiếp cận có điều kiện

a) Mục tiêu chính sách

- Phân định phạm vi thông tin công dân không được tiếp cận và tiếp cận có điều kiện nhằm bảo đảm tính công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân và cơ quan nhà nước dễ dàng xác định được giới hạn phạm vi thông tin không được tiếp cận và những điều kiện cần đáp ứng khi có nhu cầu tiếp cận/cung cấp thông tin có điều kiện;

- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các quy định của Luật Tiếp cận thông tin với các luật mới được ban hành trong thời gian qua;

- Giúp tạo môi trường lành mạnh để thu hút các nhà đầu tư khi có nhu cầu tiếp cận thông tin có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

b) Nội dung chính sách

- Quy định cách xác định thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng;

- Quy định việc tiếp cận thông tin thuộc dữ liệu cá nhân thực hiện theo pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

c) Các giải pháp thực hiện chính sách

- Giải pháp 1: Không sửa đổi, bổ sung quy định về thông tin công dân hạn chế tiếp cận và tiếp cận có điều kiện.

- Giải pháp 2: Quy định cụ thể thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác.

- Giải pháp 3: (i) Đối với thông tin không được tiếp cận: sửa đổi, bổ sung theo hướng việc xác định thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; (ii) Đối với thông tin tiếp cận có điều kiện: sửa đổi, bổ sung theo hướng thông tin thuộc dữ liệu cá nhân thực hiện theo

quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin tại lưu trữ lịch sử thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

d) Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Lựa chọn giải pháp 3. (i) Đối với thông tin không được tiếp cận: sửa đổi, bổ sung theo hướng việc xác định thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; (ii) Đối với thông tin tiếp cận có điều kiện: sửa đổi, bổ sung theo hướng thông tin thuộc dữ liệu cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin tại lưu trữ lịch sử thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ. Dưới đây là một số lý do quyết định lựa chọn giải pháp này:

- Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật: Trong bối cảnh các luật chuyên ngành mới được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, trong đó có nhiều quy định mới liên quan đến việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân thì việc sửa đổi, bổ sung quy định về thông tin công dân không được tiếp cận và tiếp cận có điều kiện giúp tạo ra một khung pháp lý đồng bộ, thống nhất giữa các quy định liên quan đến tiếp cận thông tin;

- Tăng cường niềm tin của người dân và doanh nghiệp: Việc tạo ra một hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, minh bạch trong các quy định pháp luật về tiếp cận thông tin giúp người dân, doanh nghiệp dễ dàng xác định phạm vi thông tin được tiếp cận, thông tin không được tiếp cận và thông tin tiếp cận có điều kiện. Đối với thông tin tiếp cận có điều kiện, người dân và doanh nghiệp cũng dễ dàng xác định những điều kiện cần thiết khi có nhu cầu tiếp cận thông tin trong từng trường hợp cụ thể. Từ đó, tăng cường niềm tin của người dân và doanh nghiệp vào hệ thống pháp luật và hoạt động của các cơ quan nhà nước nói chung;

- Tạo thuận lợi cho cơ quan nhà nước khi thực hiện việc cung cấp thông tin: Khi các quy định về thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin tiếp cận có điều kiện tại Luật Tiếp cận thông tin thống nhất, đồng bộ với các quy định có liên quan tại các luật chuyên ngành sẽ giúp cơ quan nhà nước thuận tiện trong quá trình áp dụng pháp luật để cung cấp thông tin khi người dân, doanh nghiệp có yêu cầu. Từ đó, hạn chế việc cơ quan nhà nước từ chối cung cấp thông tin mà không có lý do chính đáng.

5. Chính sách 5: Đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân

a) Mục tiêu chính sách

- Đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin, đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong cung cấp thông tin nhằm bảo đảm việc tiếp cận thông tin được thuận tiện, nhanh chóng, hiệu quả;

- Tạo điều kiện thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận và khai thác thông tin trên môi trường mạng chính xác, thuận tiện, nhanh chóng, kịp thời phục

vụ đời sống, sản xuất, kinh doanh song vẫn tiết kiệm chi phí cho Nhà nước cũng như tổ chức, cá nhân;

- Thực hiện chuyển đổi số, phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động công khai thông tin nhằm bảo đảm mở rộng quyền chủ động tiếp cận thông tin của người dân, giảm việc tiếp cận thông tin theo yêu cầu.

b) Nội dung chính sách

Chính sách tập trung đa dạng hóa hình thức cung cấp và tiếp cận thông tin nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của người dân được thực hiện thuận tiện, bình đẳng và hiện đại. Cụ thể, đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 18 và Điều 24 gồm các nội dung sau:

- Bổ sung và mở rộng các phương thức công khai, cung cấp thông tin phù hợp với môi trường số, bao gồm: công dữ liệu mở, kênh truyền thông xã hội chính thức, nền tảng số và trợ lý ảo hành chính;

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong toàn bộ quy trình cung cấp thông tin, từ tiếp nhận, xử lý đến trả lời, bảo đảm công khai, minh bạch và có thể theo dõi trực tuyến;

- Bảo đảm khả năng tiếp cận thông tin của các nhóm yếu thế, người dân ở vùng sâu, vùng xa, người khuyết tật, thông qua các hình thức linh hoạt, đa kênh và phù hợp điều kiện thực tế.

c) Các giải pháp thực hiện chính sách

- Giải pháp 1. Giữ nguyên quy định của pháp luật hiện hành.

- Giải pháp 2. Quy định các giải pháp ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong cung cấp thông tin.

- Giải pháp 3. Đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin, kết hợp linh hoạt giữa phương thức truyền thống và ứng dụng công nghệ số nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong tiếp cận thông tin.

d) Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Lựa chọn giải pháp 3. Kết hợp linh hoạt giữa phương thức truyền thống và ứng dụng công nghệ số. Qua đánh giá tác động và cân nhắc các chi phí, lợi ích, tác động tích cực, tiêu cực của mỗi giải pháp cho thấy giải pháp 3 có nhiều tác động tích cực hơn, phù hợp xu thế chuyển đổi số, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội. Tác động tiêu cực chủ yếu là chi phí ban đầu nhưng có thể khắc phục, trong khi lợi ích lâu dài, bền vững lớn hơn nhiều. Cụ thể, các lý do quyết định lựa chọn giải pháp này:

- Đảm bảo tính đầy đủ và thống nhất của hệ thống pháp luật, phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số, kinh tế dữ liệu: Luật chuyên ngành gần đây đã đi theo hướng dữ liệu mở (ví dụ: Luật Dữ liệu năm 2024), việc cập nhật Luật Tiếp cận thông tin giúp hình thành khung pháp lý chung, hỗ trợ Chính phủ số, kinh tế số;

- Đáp ứng yêu cầu minh bạch, phòng chống tham nhũng: Việc tiếp cận thông tin không bị giới hạn bởi thời gian làm việc hành chính và địa lý. Dữ liệu thông tin được công khai, minh bạch, tăng hiệu quả giám sát và đánh giá hoạt động của các cơ quan nhà nước;

- Tạo niềm tin và đồng thuận xã hội, bảo vệ nhóm yếu thế: Những đối tượng khó khăn trong việc tiếp cận công nghệ số, thông tin số vẫn có phương án để hỗ trợ họ hiệu quả, kịp thời;

- Tăng tính linh hoạt, thân thiện và kịp thời trong cung cấp thông tin, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dân; thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu mở, phù hợp với xu thế chính phủ số, xã hội số.

6. Chính sách 6: Điều chỉnh quy định về chi phí cung cấp thông tin theo yêu cầu

a) Mục tiêu chính sách

- Xây dựng cơ chế thu phí nhằm bảo đảm hài hòa giữa quyền tiếp cận thông tin và quản lý tài chính công, một mặt tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin thuận lợi, mặt khác đảm bảo Nhà nước có cơ chế tài chính hợp lý để duy trì hoạt động cung cấp thông tin

- Thúc đẩy chuyển đổi số và dữ liệu mở, thúc đẩy nhanh tiến trình số hóa dữ liệu công.

b) Nội dung chính sách

Tiếp tục áp dụng quy định tại Điều 12 và Điều 27 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, theo đó: người yêu cầu cung cấp thông tin phải trả chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin; Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể (hiện hành là Thông tư 46/2018/TT-BTC).

c) Các giải pháp thực hiện chính sách

- Giải pháp 1. Giữ nguyên quy định của pháp luật hiện hành.
- Giải pháp 2. Miễn toàn bộ chi phí tiếp cận thông tin.
- Giải pháp 3. Quy định về phí cung cấp thông tin và đối tượng được miễn, giảm phí cung cấp thông tin (sửa đổi, bổ sung Điều 25 và Điều 27 Luật Tiếp cận thông tin).

d) Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Qua đánh giá tác động và cân nhắc các chi phí, lợi ích, tác động tích cực, tiêu cực của mỗi giải pháp cho thấy giải pháp 1 có nhiều tác động tích cực hơn, không tạo thêm gánh nặng chi phí yêu cầu cung cấp thông tin đối với người dân, doanh nghiệp, nhưng mặt khác Nhà nước cũng không phải gánh toàn bộ chi phí cho đề nghị cung cấp thông tin, tránh gia tăng gánh nặng ngân sách trong bối cảnh còn nhiều ưu tiên chi tiêu an sinh – xã hội khác. . Cụ thể, các lý do quyết định lựa chọn giải pháp này:

- Việc thu theo chi phí thực tế (không thu phí cố định) giúp bảo đảm tính

hợp lý, không mang tính kinh doanh, giữ đúng bản chất của “chi phí hoàn trả”, không biến thành một loại phí hoặc lệ phí mới.

- Bảo đảm tính công bằng theo nguyên tắc “ai yêu cầu, người đó trả chi phí thực tế”, hạn chế tình trạng yêu cầu thông tin tràn lan, lãng phí nguồn lực.

- Bảo đảm công bằng giữa các địa phương: nơi có điều kiện kinh tế khó khăn vẫn được giảm mức thu (70% hoặc 50%), thể hiện tính nhân văn và linh hoạt của chính sách.

- Phù hợp với mức độ sẵn sàng của hạ tầng công nghệ thông tin ở Việt Nam; tạo thời gian “đệm” để cơ quan nhà nước chuẩn bị cơ sở dữ liệu, nhân lực, quy trình cho giai đoạn cải cách tiếp theo (chuyển sang cơ chế phí điện tử hoặc miễn/giảm có điều kiện).

VI. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI HỒ SƠ CHÍNH SÁCH GỬI THẨM ĐỊNH (nếu có)

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Về nhân lực: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị phân công, bố trí đơn vị, bộ phận đầu mối cung cấp thông tin; xây dựng quy chế để xác định rõ quy trình nội bộ, trách nhiệm phối hợp giữa đơn vị/bộ phận chủ trì tạo ra thông tin và đơn vị/bộ phận đầu mối cung cấp thông tin.

2. Về kinh phí: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị bố trí kinh phí cho việc nâng cấp, quản lý cổng/trang thông tin điện tử, xây dựng cơ sở dữ liệu, số hóa tài liệu, bố trí trang thiết bị phục vụ tiếp cận thông tin; ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình cung cấp thông tin...

VIII. VỀ VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

1. Nội dung thứ nhất, về chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin

Về nội dung này có 02 quan điểm khác nhau:

Quan điểm 1: Chỉ mở rộng chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin đối với đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, bởi vì đây là những chủ thể tạo ra thông tin liên quan trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt của người dân. Đồng thời, phù hợp với quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 25 tháng 10 năm 2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập xác định: *"Nhà nước chăm lo, bảo đảm cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, nâng cao khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ sự nghiệp công cho mọi tầng lớp nhân dân trên cơ sở giữ vững, phát huy tốt hơn nữa vai trò chủ đạo, vị trí then chốt, bản chất tốt đẹp, ưu việt, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận của các đơn vị sự nghiệp công lập"*. Đối với các thông tin của đơn vị sự nghiệp công lập khác người dân có thể tiếp cận và yêu cầu cung cấp

thông tin theo pháp luật chuyên ngành. Theo đó, cùng với việc mở rộng chủ thể cung cấp thông tin, Bộ Tư pháp đã rà soát, bổ sung một số nội dung có liên quan đến đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu như thông tin mà chủ thể này có trách nhiệm công khai, trách nhiệm công khai danh mục đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu,...

Quan điểm 2: Mở rộng chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin đối với tất cả các đơn vị sự nghiệp công lập, bởi vì các đơn vị sự nghiệp công lập đều sử dụng ngân sách nhà nước, do đó phải có trách nhiệm công khai thông tin và cung cấp thông tin cho công dân theo yêu cầu. Hơn nữa, hiện nay, chưa có quy định pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu nên quy định chủ thể này có trách nhiệm cung cấp thông tin có thể gây khó khăn cho công dân trong việc xác định đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu.

Bộ Tư pháp lựa chọn theo Quan điểm thứ nhất, đây cũng là phương án được lựa chọn qua đánh giá tác động của chính sách.

2. Nội dung thứ hai: về chi phí cung cấp thông tin theo yêu cầu

Về nội dung này, còn có 2 quan điểm khác nhau:

Quan điểm thứ nhất, đề nghị giữ nguyên như quy định của pháp luật hiện hành bởi vì Luật đã quy định nếu pháp luật khác có quy định về chi phí tiếp cận thông tin khác với quy định của Luật Tiếp cận thông tin thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó. Đồng thời, hiện nay, chi phí cung cấp thông tin theo Thông tư số 46/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, ngoài chi phí thực tế đã bao gồm cả chi phí bù đắp về nhân lực, trang thiết bị thực hiện in ấn, sao, chụp, phô tô tài liệu (3.000đ/trang trắng đen; 18.000đ/trang in màu,...). Ngoài ra, Thông tư cũng quy định về việc giảm chi phí cho người sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn. So sánh với một số thông tin được cung cấp tương tự cho thấy chi phí tiếp cận thông tin cao hơn lệ phí cấp bản sao, bản án, quyết định của tòa án... và phí sử dụng tài liệu lưu trữ. Do đó, không cần thiết phải sửa đổi quy định của Luật về chi phí cung cấp thông tin thành phí cung cấp thông tin.

Quan điểm thứ hai, quy định về phí cung cấp thông tin và có cơ chế miễn, giảm hợp lý, gồm các nội dung cụ thể: sửa đổi, bổ sung Điều 12 và Điều 27 Luật Tiếp cận thông tin theo hướng: miễn phí đối với thông tin công khai sẵn, được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử hoặc cơ sở dữ liệu mở; miễn, giảm phí đối với người yêu cầu thuộc nhóm yếu thế (người khuyết tật, người có công, hộ nghèo, cận nghèo...); giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết nội dung này.

Quy định như vậy vừa bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, vừa đảm bảo tính khả thi về tài chính và quản lý, phù hợp với kinh nghiệm quốc tế (Mỹ, Hàn Quốc,

Nhật Bản, Anh, Canada) - đều áp dụng cơ chế miễn, giảm có điều kiện và giới hạn chi phí; phù hợp định hướng Chính phủ số, khuyến khích chuyển đổi số, giảm chi phí hành chính và in ấn; có khả năng điều chỉnh linh hoạt theo từng nhóm đối tượng, loại thông tin và điều kiện địa bàn.

Bộ Tư pháp lựa chọn theo Quan điểm thứ nhất với lý do nêu trên.

IX. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH QUỐC HỘI DỰ ÁN LUẬT

Theo Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2026: *Dự án Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi) trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XVI (tháng 4/2026).*

Trên đây là Tờ trình chính sách của Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi), Bộ Tư pháp xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo:)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- ...
- Lưu: VT, Vụ PLHSHC (02b).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hải Ninh